

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị

về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

SỞ NỘI VỤ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 3853

Ngày: 12/4/23

Chuyên: Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị

Số và Ký hiệu về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động với những nội dung cụ thể như sau:

I - ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

Thời gian qua, công tác quản lý và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến rõ nét, đạt nhiều kết quả quan trọng. Năm 2022, tỷ lệ đô thị hóa đạt gần 46,3% tăng gần 15% so với năm 2010. Trong số 20 đô thị trên địa bàn tỉnh, có ba đô thị lớn đã và đang trở thành động lực cho cả vùng là: thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và thị xã Hoài Nhơn.

Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị vẫn còn một số hạn chế: các đô thị trên địa bàn tỉnh chủ yếu là đô thị nhỏ và vừa; kết cấu hạ tầng đô thị chưa theo kịp với tốc độ phát triển; việc phát triển hệ thống các trục giao thông chính cấp đô thị chưa đồng bộ; hệ thống giao thông tĩnh đô thị còn nhiều bất cập; tỷ lệ cây xanh đô thị còn thấp; công tác ngầm hóa đường dây, cấp dịch vụ công cộng tại đô thị chưa đạt yêu cầu; phần lớn các đô thị chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt, một số khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt cấp vùng sử dụng công nghệ chôn lấp lạc hậu, dễ gây ô nhiễm; một số đô thị nhỏ vẫn còn nợ tiêu chí; năng lực quản lý và phát triển đô thị theo quy hoạch còn yếu, chậm được đổi mới và thiếu tính định hướng, đột phá.

Những hạn chế nêu trên có những nguyên nhân chủ quan và khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu như: Nhận thức về đô thị hóa và phát triển đô thị bền vững chưa đầy đủ; công tác quy hoạch đô thị thiếu tầm nhìn chiến lược; hoạt động phản biện việc lập và giám sát thực hiện quy hoạch đô thị của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và người dân còn mang tính hình thức, chất lượng chưa cao; việc triển khai thực hiện

quy hoạch và phát triển đô thị còn chông chéo, dàn trải, thiếu tính đột phá; sự phân công, phối hợp nhiệm vụ quản lý nhà nước về phát triển đô thị chưa rõ ràng, thiếu chặt chẽ và thống nhất; chưa phát huy và khai thác tốt các nguồn lực của chính đô thị.

II - MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực trên toàn tỉnh, có tính liên kết với cả vùng, khu vực và cả nước. Quy hoạch và quản lý quy hoạch đô thị có tính bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững. Chất lượng sống tại đô thị ở mức trung bình khá trở lên, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2025 đạt trên 55%, đến năm 2030 đạt trên 60%.

- Số lượng đô thị trên toàn tỉnh đến năm 2025 có khoảng 22 đô thị (01 đô thị loại I, 02 đô thị loại III, 01 đô thị loại IV, 18 đô thị loại V). Đến năm 2030 có khoảng 21 đô thị (01 đô thị loại I, 02 đô thị loại III, 02 đô thị loại IV, 16 đô thị loại V).

- Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đến năm 2025 đạt trên 1,5%, đến năm 2030 đạt trên 1,9%.

- Đến năm 2025 tất cả các đô thị có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục - đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đến năm 2025 đạt trên 11%, đến năm 2030 đạt trên 16%.

- Diện tích cây xanh đô thị bình quân trên mỗi người dân đến năm 2025 đạt $6m^2$, đến năm 2030 đạt $10m^2$.

- Tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch tập trung đến năm 2025 đạt trên 90%, đến năm 2030 đạt trên 95%.

- Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đến năm 2025 đạt tối thiểu 28m², đến năm 2030 đạt tối thiểu 33m².

- Đến năm 2025, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình tại đô thị, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại thông minh; đến năm 2030 hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình tại đô thị.

- Đến năm 2025, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%. Đến năm 2030, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử đạt 80%.

- Kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GRDP của tỉnh đến năm 2025 đạt khoảng 75% và đến năm 2030 đạt khoảng 85%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045: Tỷ lệ đô thị hoá tỉnh Bình Định thuộc nhóm cao của khu vực miền Trung. Hình thành chuỗi đô thị phía Nam của tỉnh trở thành vùng đô thị động lực của vùng kinh tế duyên hải miền Trung và Tây Nguyên có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo hài hòa các tiêu chí về đô thị hiện đại, thông minh, xanh và giàu bản sắc.

III - NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến, quán triệt sâu rộng trong các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và Nhân dân trong tỉnh nội dung Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động để thực hiện thành công mục tiêu xây dựng hệ thống đô thị tỉnh Bình Định phát triển bền vững, là hạt nhân, động lực trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển đô thị bền vững

Tiếp tục tham gia góp ý để hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai, đầu tư, quy hoạch, phát triển đô thị, kiến trúc, xây dựng bảo đảm tính minh bạch, thống nhất, loại bỏ các mâu thuẫn, chồng chéo.

Nghiên cứu lựa chọn mô hình phát triển đô thị bền vững, phù hợp cho từng đô thị trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện tự nhiên, văn hóa lịch sử, đặc biệt đối với đô thị có nhiều di sản văn hóa, cảnh quan thiên nhiên cần bảo tồn, gìn giữ.

Bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước tương xứng để bảo đảm thực hiện các mục tiêu của chính sách an sinh nhà ở. rà soát, hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, thủ tục hành chính về nhà ở xã hội theo quy định, đặc biệt là chính sách

ưu đãi, khuyến khích đủ mạnh để thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng nhà ở, nhà cho thuê đối với người thu nhập thấp, thu nhập trung bình, cải tạo, chỉnh trang đô thị, xóa bỏ nhà tạm. Tiếp tục hoàn thiện các giải pháp để đẩy nhanh cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ; kịp thời tháo gỡ các vướng mắc liên quan đến nhà ở cho thuê thuộc sở hữu nhà nước hết niên hạn sử dụng.

3. Tập trung xây dựng, phát triển hệ thống đô thị toàn tỉnh bền vững và đồng bộ

Rà soát, điều chỉnh chương trình phát triển đô thị của tỉnh và của từng đô thị. Xác định phát triển đô thị là hạt nhân phát triển kinh tế - xã hội; tăng mật độ đô thị tại các vùng trung du và miền núi. Đầu tư nâng cao khả năng chống chịu thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu của các đô thị ven biển và các vùng sinh thái dễ bị tổn thương.

Hình thành chuỗi các đô thị vùng phía Nam của tỉnh (*bao gồm các đô thị Quy Nhơn, An Nhơn, Tuy Phước, Cát Tiến và Canh Vinh*) trở thành vùng đô thị động lực cho cả tỉnh, có tính kết nối vùng duyên hải miền Trung và khu vực Tây Nguyên với hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phát triển đồng bộ, hiện đại. Thí điểm hình thành chuỗi đô thị ven biển với đặc thù kinh tế biển gắn với dịch vụ du lịch, hậu cần nghề cá, phát triển nuôi, trồng thủy hải sản và chế biến với công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, lấy đầm Đề Gi là trung tâm. Tiếp tục đầu tư phát triển đô thị Hoài Nhơn là trung tâm động lực vùng, cực tăng trưởng phía Bắc của tỉnh. Quy hoạch và định hướng phát triển đô thị Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hóa vùng duyên hải Trung Bộ.

Triển khai hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh; xây dựng nông thôn mới phù hợp với định hướng đô thị hóa.

4. Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững

Đổi mới toàn diện về phương pháp, quy trình, nội dung và sản phẩm quy hoạch đô thị theo hướng tiếp cận đa ngành, bao trùm, tầm nhìn dài hạn, có tính liên tục và thống nhất. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu toàn tỉnh về quy hoạch phát triển đô thị; ứng dụng rộng rãi hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ số, nền tảng số trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị.

Tập trung ưu tiên các mục tiêu về phát triển đô thị theo quy hoạch trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh; xử lý nghiêm các vi phạm quy hoạch và các dự án đô thị chậm triển khai; gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các ngành, các cấp, địa phương liên quan trong công tác lập và tổ chức

thực hiện quy hoạch đô thị. Khắc phục triệt để việc thiếu tiêu chí của các đô thị đã được nâng loại và tình trạng nâng loại đô thị khi chưa đủ tiêu chí.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và người dân trong phản biện việc lập và giám sát thực hiện quy hoạch đô thị. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, để tiếp cận thông tin trong quy hoạch đô thị.

5. Phát triển hệ thống nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu

5.1 - Phát triển nhà ở

Bố trí nguồn lực và triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2035. Đổi mới phương thức, mô hình quản lý và phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp. Quản lý và giám sát chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng tại thành phố Quy Nhơn phù hợp với hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách riêng về đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân và các thiết chế khác trong khu công nghiệp, coi nhà ở công nhân là một hạ tầng thiết yếu của khu công nghiệp. Bảo đảm bố trí đủ quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội.

5.2 - Giao thông

Tiếp tục thực hiện và rà soát đề án phát triển hệ thống giao thông kết nối các đô thị toàn tỉnh và kết nối tuyến cao tốc Bắc Nam, cao tốc Quy Nhơn - Pleiku đảm bảo thuận lợi, khai thác tối đa lợi thế các tuyến giao thông huyết mạch; đẩy mạnh phát triển vận tải công cộng, công trình đầu mối về giao thông, đặc biệt công trình đầu mối logistics phù hợp hạ tầng quy hoạch đô thị. Nâng cấp, bổ sung quy hoạch hệ thống cảng biển, sân bay, đường sắt theo quy hoạch tỉnh.

Hình thành các tuyến giao thông vành đai, xuyên tâm và các trục giao thông cảnh quan, trong đó quy hoạch mặt cắt ngang sông trong đô thị phải hình thành các trục cảnh quan và là điểm nhấn của đô thị; quy hoạch đa dạng các tuyến giao thông qua núi, qua sông và qua đầm nhằm giảm sự chia cắt của đô thị do địa hình gây ra; nghiên cứu bố trí các bãi đỗ xe đáp ứng nhu cầu của đô thị, đa dạng các hình thức giao thông đô thị, đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu tuyến đường sắt đô thị Quy Nhơn kết nối với đô thị Cát Tiến; đề xuất giải pháp giao thông công cộng hiệu quả đối với các đô thị từ loại III trở lên.

5.3 - Cấp nước

Xây dựng đề án cấp nước sạch toàn tỉnh, không phân biệt đô thị và nông thôn, gắn với an ninh nguồn nước, tăng cường sử dụng nước mặt từ các hồ lớn của tỉnh,

hạn chế sử dụng nước ngầm, từng bước thay thế các trạm cấp nước nhỏ lẻ hoạt động không hiệu quả, các trạm cấp nước không đạt chuẩn tại các đô thị hoặc các trạm cấp nước có nguồn nước không ổn định. Riêng thành phố Quy Nhơn cần nghiên cứu điều phối mạng cấp nước chính phù hợp với tình hình phát triển mở rộng đô thị về hướng Bắc và Tây Bắc.

Từng bước tự động hóa công tác quản lý, vận hành, giám sát chất lượng và kiểm soát thất thoát nước sạch; xây dựng giá nước sạch cho khu vực đô thị và nông thôn phù hợp quy định hiện hành.

5.4 - Thoát nước, chống ngập đô thị

Nghiên cứu các giải pháp nạo vét, mở rộng lòng dẫn kết hợp công trình đê, kè chống ngập đô thị, hệ thống đê chắn sóng, đê ngăn triều hạn chế nước lũ tràn vào đô thị hoặc hiện tượng xâm nhập mặn với tần suất phù hợp theo loại đô thị. Ưu tiên sử dụng một số giải pháp mềm cho một số tuyến sông qua đô thị.

Hạn chế việc ngập cục bộ các đô thị từ loại III trở lên. Nghiên cứu các phương án thoát nước thích ứng biến đổi khí hậu, trong đó có tính đến việc quy hoạch và xây dựng một số hồ điều hòa, đê ngăn triều có hệ thống điều tiết trong đô thị và tăng tính tự thấm của đất nền.

5.5 - Vệ sinh môi trường

Khu vực nội thị của các đô thị loại III trở lên phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường. Riêng thành phố Quy Nhơn tăng tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt phù hợp công suất nhà máy xử lý.

Thực hiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tiến đến phân loại rác tại nguồn kể từ năm 2024; xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo theo vùng với công suất phù hợp, công nghệ xử lý hiện đại, thu gom triệt để rác thải, từng bước đóng cửa và thay thế các hình thức chôn lấp không hợp vệ sinh.

Đối với chất thải rắn xây dựng, đến năm 2025, quy hoạch và quản lý một số bãi tập kết để tận dụng nâng nền; đến năm 2030, nghiên cứu giải pháp tận thu, tái chế chất thải rắn xây dựng.

Xây dựng và hoàn thiện kế hoạch xây dựng mới, đóng cửa và di dời một số nghĩa trang nhằm đảm bảo môi trường và cảnh quan cho các đô thị. Ưu tiên các hình thức táng tiên tiến, thân thiện môi trường. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách hỗ trợ hỏa táng và nghiên cứu đầu tư lò hỏa táng khu vực phía Bắc tỉnh.

Xây dựng các giải pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí tại các đô thị, giảm thiểu nhanh ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm do bụi và tiếng ồn gắn với việc

xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát chất lượng môi trường tại các đô thị từ loại III trở lên.

5.6 - Cây xanh

Xây dựng hoàn thành danh mục cây trồng, cây hạn chế trồng và cây cấm trồng phù hợp khí hậu và vùng miền địa phương; xây dựng hoàn thành kế hoạch phát triển cây xanh các đô thị và danh mục cây bảo tồn trên địa bàn tỉnh.

Phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn đầm Thị Nại, đầm Đê Gi trở thành không gian sinh thái cho đô thị và phục vụ phát triển kinh tế xã hội; xây dựng một số công viên cây xanh cảnh quan khu vực nội thị tại các đô thị loại III trở lên để cải thiện môi trường khí hậu và tạo điều kiện người dân tiếp cận sử dụng góp phần nâng cao đời sống người dân đô thị.

5.7 - Hạ tầng xã hội

Hoàn thiện tiêu chí chuẩn phân loại đô thị liên quan đến cơ sở hạ tầng xã hội về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị của các đô thị loại III trở lên. Khắc phục tình trạng thiếu trường, thiếu lớp hiện nay, nhất là giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tại các đô thị; đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội về y tế giáo dục đối với các khu đô thị, các khu dân cư mới.

Phát triển hệ thống hạ tầng y tế dự phòng, y tế cơ sở và mạng lưới khám chữa bệnh bao phủ, rộng khắp, đảm bảo công tác phòng và chữa bệnh cho người dân; đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh và một số bệnh viện chuyên khoa trở thành bệnh viện có chất lượng cao của khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

5.8 - Đô thị thông minh

Tiếp tục rà soát, thực hiện kế hoạch ngầm hóa hệ thống lưới điện, cáp viễn thông, thông tin liên lạc và thông tin điều khiển để chuẩn bị hạ tầng phục vụ công tác phát triển đô thị thông minh; đầu tư xây dựng một số công trình hạ tầng dùng chung cho đô thị loại III trở lên. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển không gian ngầm, hệ thống công trình ngầm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh cho đô thị Quy Nhơn.

Từng bước hiện đại hóa các dịch vụ công ích đô thị theo hướng chuyên nghiệp, ứng dụng công nghệ quản lý, vận hành thông minh, tiết kiệm chi phí, năng lượng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị và chất lượng cuộc sống đô thị, đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh, an toàn và trật tự đô thị

Tiếp tục rà soát, bổ sung chức năng, nhiệm vụ các cơ quan quản lý nhà nước về đô thị trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đầu mối về phát triển đô thị; nâng cao năng lực, tăng cường hiệu quả và tính chuyên nghiệp của chính quyền tại các đô thị. Xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển đô thị. Xây dựng vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành gắn với nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức về quản lý đô thị. Đẩy nhanh việc chuyển đổi số trong quản lý đô thị gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị thông minh.

Xây dựng văn hóa và lối sống đô thị văn minh, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của người dân, chú trọng tạo nhiều không gian văn hóa công cộng; bố trí đủ quỹ đất và ngân sách hợp lý, ràng buộc rõ trách nhiệm của các chủ đầu tư các khu đô thị đối với việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cho cư dân.

Xóa bỏ mọi rào cản đối với dịch chuyển lao động. Xây dựng cơ chế chính sách đảm bảo cho lao động nông thôn di cư, lao động phi chính thức được tiếp cận bình đẳng, có cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản tại đô thị. Rà soát, hoàn thiện chính sách hỗ trợ học tập, dạy nghề, việc làm cho người dân bị thu hồi quyền sử dụng đất trong quá trình đô thị hóa.

7. Phát triển kinh tế khu vực đô thị

Đẩy mạnh liên kết phát triển Nam Bình Định - Bắc Phú Yên và Bình Định - Gia Lai - Kon Tum, gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam và Đông Tây. Lấy chuỗi đô thị phía Nam¹, sân bay Phù Cát, cảng Quy Nhơn, các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu khoa học, trung tâm phần mềm để tạo sức mạnh tổng hợp làm nền tảng kết nối, nhất là trong xúc tiến đầu tư, thương mại, chuyên giao và ứng dụng công nghệ, huy động và phân bổ nguồn lực, đầu tư kết cấu hạ tầng, hỗ trợ an sinh xã hội và phát triển bền vững; tích cực, chủ động mở rộng, nâng tầm quan hệ của tỉnh với các địa phương nước ngoài, các tập đoàn kinh tế, tổ chức tài chính quốc tế nhằm phát huy tối đa nội lực, tiềm năng và lợi thế của tỉnh.

Triển khai các đề án tái thiết đô thị theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế khu vực đô thị; khai thác hiệu quả, bền vững các công trình văn hóa, lịch sử, cảnh quan và không gian công cộng trong phát triển kinh tế khu vực đô thị; đẩy nhanh việc di dời các cơ sở sản xuất chế biến gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn cho người dân ra khỏi trung tâm các đô thị loại III trở lên; rà soát quy hoạch hệ thống bệnh viện, trường đại học, cao đẳng, trung tâm phần mềm, cơ sở nghiên cứu khoa học, trung tâm logistics, chợ đầu mối và mạng lưới chợ dân sinh.

Phát triển kinh tế dịch vụ, công nghiệp chế tạo tiên tiến có tính chiến lược, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, kinh tế du lịch,

¹ Quy Nhơn, An Nhơn, Tuy Phước, Cát Tiến, Canh Vinh.

thể thao...; khuyến khích các đô thị xây dựng thương hiệu gắn với thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao tại các đô thị; khuyến khích xây dựng mô hình kinh tế ven biển có tính đặc thù, trung tâm đổi mới sáng tạo gắn với các sản phẩm chiến lược và thế mạnh của từng đô thị.

Tăng cường quản lý thị trường bất động sản, quản lý thực hiện chính sách thuế, phí liên quan đến bất động sản nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả, chống thất thu thuế trong hoạt động kinh doanh và chuyển nhượng bất động sản. Kiểm soát và sử dụng hiệu quả giá trị gia tăng từ đất khi hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng giao thông được đầu tư mở rộng và khai thác quỹ đất hai bên tuyến đường nhằm tạo nguồn thu cho phát triển đô thị.

IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các ban của Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể tổ chức quán triệt Chương trình hành động đến cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và Nhân dân; xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện Chương trình hành động tại địa phương, đơn vị mình.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ Chương trình hành động này lãnh đạo, chỉ đạo việc ban hành các nghị quyết về cơ chế, chính sách có liên quan và tổ chức giám sát việc thực hiện theo quy định.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị.

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa Chương trình hành động này và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các Ban của Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng, }
- Văn phòng Trung ương Đảng, } (b/c)
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các ban của Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy,
- đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- CPVP, CVNC,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Hồ Quốc Dũng

PHỤ LỤC

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 20/3/2023 của Tỉnh ủy Bình Định)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Hiện trạng năm 2022	Chỉ tiêu theo Nghị quyết số 06-NQ/TW		Chỉ tiêu theo Chương trình hành động		Ghi chú
				Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2025	Đến năm 2030	
1	Tỷ lệ đô thị hoá toàn tỉnh	%	46,3	45	50	≥ 55	≥ 60	- Năm 2025: tăng 3 đô thị là Phước Sơn, Canh Vinh và Mỹ Thành; giám 1 đô thị do toàn bộ Tây Sơn nâng loại đô thị loại IV
2	Số lượng đô thị toàn tỉnh	đô thị	20			22	21	- Năm 2030: giám do toàn bộ huyện Tuy Phước nâng loại đô thị loại IV
3	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên	%	1,75	1,5-1,9	1,9-2,3	≥ 1,5	≥ 1,9	
4	Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu	%	100	100	100	100	100	
5	Số lượng đô thị từ loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng y tế,	đô thị		100%	100%	2	3	Đến năm 2025 có 2 đô thị từ loại III trở lên là Quy Nhơn và An Nhơn, đến năm

	giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị								2030 có thêm Hoài Nhơn đạt đô thị loại III
6	Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị	%	12,8	11-16	16-26	≥ 11	≥ 16		
7	Tỷ lệ đô thị hiện có và đô thị mới có chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị	%		100	100	100	100		
8	Diện tích cây xanh đô thị bình quân trên mỗi người dân đô thị	m ²	4,9	6-8	8-10	≥ 6	≥ 10		
9	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị	m ² /người	26,5	28	32	≥ 28	≥ 33		
10	Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch từ hệ thống tập trung	%	83	Không quy định	Không quy định	90	95		
11	Tỷ lệ phủ kín hạ tầng mạng băng rộng cấp quang đến các hộ gia đình	%	Chưa có đánh giá	80	100	80	100		
12	Tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử	%	Chưa có đánh giá	50	80	50	80		
13	Đóng góp kinh tế khu vực đô thị vào GRDP cả tỉnh	%	Chưa có đánh giá	75	85	75	85		